

PHỤ LỤC

MỘT SỐ NỘI DUNG QUAN TRỌNG ĐƯỢC QUỐC HỘI XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH TẠI KỲ HỌP THỨ 9, QUỐC HỘI KHÓA XV

(Kèm theo Báo cáo số /BC-VPQH ngày /7/2025 của Đoàn ĐBQH tỉnh Nghệ An)

I. CÔNG TÁC LẬP HIẾN, LẬP PHÁP

1. Các luật, nghị quyết được Quốc hội thông qua

1.1. Quốc hội đã xem xét thông qua **Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam** nhằm tạo cơ sở hiến định cho việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và hoàn thiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp theo chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025.

Nghị quyết gồm 02 điều, trong đó:

- Điều 1 quy định về sửa đổi, bổ sung 05/120 điều của Hiến pháp, cụ thể:
(i) Sửa đổi, bổ sung Điều 9 để khẳng định vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là trung tâm của khối đại đoàn kết toàn dân, tạo cơ sở hiến định cho việc sắp xếp, tinh gọn các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; (ii) Sửa đổi, bổ sung Điều 10 để tiếp tục ghi nhận và thể hiện rõ nét vị trí, vai trò của Công đoàn Việt Nam; (iii) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 84 theo hướng quy định các cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội có quyền trình dự án luật trước Quốc hội, trình dự án pháp lệnh trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội; (iv) Sửa đổi, bổ sung Điều 110 để khẳng định các đơn vị hành chính của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành 02 cấp (gồm: tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do luật định); (v) Sửa đổi, bổ sung Điều 111 để bổ sung quy định về chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định khi thành lập đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt đó.

- Điều 2 quy định Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày được Quốc hội thông qua (ngày 16/6/2025); đơn vị hành chính cấp huyện sẽ kết thúc hoạt động từ ngày 01/7/2025; đồng thời, quy định về điều khoản chuyển tiếp để tạo cơ sở pháp lý cho việc kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan trong đợt sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã năm 2025 và kiện toàn tổ chức bộ máy của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026 khi không tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện, bảo đảm các cơ quan sau khi thực hiện sắp xếp hoạt động thông suốt, đồng bộ, không để gián đoạn công việc, không để ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị, tổ chức, xã hội và người dân.

Để bảo đảm quy trình xây dựng Nghị quyết này, Quốc hội đã thông qua 02 nghị quyết, gồm: *Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013* và *Nghị quyết về việc thành lập Ủy ban dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013*.

Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua là sự kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, phản ánh sâu sắc ý chí, nguyện vọng của Nhân dân, kết hợp giữa ý Đảng, lòng Dân, phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu xây dựng, bảo vệ, phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; là dấu ấn lịch sử, có ý nghĩa hết sức quan trọng, đã đánh dấu khởi đầu cho cuộc cải cách sâu sắc về thể chế, thể hiện tư duy đổi mới có tính cách mạng trong tổ chức hệ thống chính trị và quản trị quốc gia, là cơ sở hiến định cho việc thực hiện thắng lợi chủ trương của Đảng và Nhà nước về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tạo nền tảng để kiến tạo một nước Việt Nam hùng cường, thịnh vượng, người dân hạnh phúc, yên vui.

1.2. Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) được Quốc hội thông qua nhằm kịp thời thể chế hóa, cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Đảng và Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả và sự thống nhất, thông suốt của nền hành chính nhà nước. Luật gồm 07 chương, 54 điều, quy định nhiều nội dung quan trọng như: (i) Xác lập mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (gồm: cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) và cấp xã (xã, phường, đặc khu)); (ii) Tiếp tục hoàn thiện các nguyên tắc phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp giữa Trung ương với chính quyền địa phương, giữa chính quyền địa phương cấp tỉnh với chính quyền địa phương cấp xã một cách khoa học, đồng bộ, thống nhất; (iii) Phân định rõ thẩm quyền giữa tập thể Ủy ban nhân dân và cá nhân Chủ tịch Ủy ban nhân dân; (iv) Quy định một cách cơ bản các nhiệm vụ và quyền hạn của chính quyền địa phương cấp tỉnh và cấp xã, bảo đảm phân định rõ, không trùng lặp, chồng chéo về nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cấp chính quyền... Bên cạnh đó, Luật quy định các nội dung chuyển tiếp để giải quyết các vấn đề phát sinh khi chuyển đổi mô hình chính quyền địa phương từ 03 cấp sang 02 cấp, bảo đảm sự liên tục, thông suốt, ổn định của bộ máy cơ quan chính quyền địa phương, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi và hoạt động bình thường của người dân, doanh nghiệp.

1.3. Luật Thanh tra (sửa đổi) được ban hành nhằm kịp thời thể chế hóa chủ trương của Đảng về sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền. Luật gồm 09 chương, 64 điều, trong đó có một số điểm mới quan trọng như: (i) Quy định thống nhất một hoạt động thanh tra, không phân biệt thanh tra hành chính và

thanh tra chuyên ngành; (ii) Sắp xếp lại hệ thống cơ quan thanh tra theo hướng tập trung, thống nhất, tinh gọn về một đầu mối theo 02 cấp ở Trung ương và địa phương; (iii) Bổ sung nhiệm vụ phòng, chống lãng phí cho cơ quan thanh tra và quy định về kiểm soát quyền lực; (iv) Hoàn thiện quy định về xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra với hoạt động kiểm tra, điều tra, kiểm sát, kiểm toán nhà nước; (v) Giảm thời hạn thanh tra và thời gian thực hiện một số khâu trong trình tự, thủ tục thanh tra; bổ sung hình thức thanh tra trực tuyến, thanh tra từ xa để kịp thời thể chế hóa Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị...

1.4. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân được Quốc hội thông qua nhằm kịp thời thể chế hóa chủ trương của Đảng về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Tòa án nhân dân. Luật gồm 03 điều, tập trung quy định các vấn đề sau: (i) Tổ chức Tòa án nhân dân được theo 03 cấp (gồm: Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực (các Tòa án quân sự được giữ nguyên theo quy định của Luật hiện hành)); kết thúc hoạt động của Tòa án nhân dân cấp cao và Tòa án nhân dân cấp huyện; thành lập Tòa Phúc thẩm thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Tòa Kinh tế thuộc Tòa án nhân dân khu vực, các toà chuyên trách (Tòa Phá sản, Tòa Sở hữu trí tuệ) tại một số Tòa án nhân dân khu vực ở các tỉnh, thành phố lớn là trung tâm kinh tế, tài chính của đất nước; bổ sung quy định về Tòa án chuyên biệt thuộc Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam; (ii) Tăng số lượng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao từ 13 đến 17 người lên 23 đến 27 người để có đủ nhân sự tham gia xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm sau khi phân định lại nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân các cấp; (iii) Bổ sung quy định Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ, quyền hạn phúc thẩm vụ án hình sự mà bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh chưa có hiệu lực bị kháng cáo, kháng nghị; giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị; Tòa án nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn sơ thẩm vụ án hình sự có khung hình phạt trên 20 năm tù, vụ án hình sự nghiêm trọng, phức tạp khác; phúc thẩm tất cả các bản án, quyết định của Tòa án nhân dân khu vực chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị; giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án nhân dân khu vực đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị; Tòa án nhân dân khu vực tăng thẩm quyền xét xử vụ án hình sự giải quyết theo thủ tục sơ thẩm các vụ việc về dân sự, vụ án hành chính, giải quyết phá sản...

1.5. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân được ban hành nhằm kịp thời đáp ứng yêu cầu về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy Viện kiểm sát nhân dân theo chủ trương, định hướng của Đảng về việc không tổ chức cấp huyện. Luật gồm 02 điều, tập trung vào các vấn đề lớn như: (i) Quy định hệ thống Viện kiểm sát nhân dân có 03 cấp (gồm: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và Viện kiểm sát nhân dân khu vực) và Viện kiểm sát quân sự các cấp; (ii) Bổ quy định về thi nâng ngạch

Kiểm sát viên, chỉ quy định việc bổ nhiệm Kiểm sát viên lần đầu phải qua kỳ thi tuyển chọn; việc bổ nhiệm Kiểm sát viên vào ngạch cao hơn thông qua xét chọn với những nguyên tắc, điều kiện chặt chẽ; (iii) Quy định nhiệm kỳ của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao được tính từ khi được bổ nhiệm đến khi nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác; Kiểm sát viên các ngạch khác được bổ nhiệm lần đầu có nhiệm kỳ là 05 năm, khi được bổ nhiệm lại hoặc bổ nhiệm vào ngạch cao hơn có nhiệm kỳ đến khi nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác; (iv) Tăng số lượng Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao từ 19 người lên không quá 27 người để bảo đảm đủ nguồn nhân lực giải quyết khối lượng công việc tăng lên của Viện kiểm sát nhân dân tối cao sau khi sắp xếp, tổ chức lại bộ máy...

1.6. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở được ban hành nhằm thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ với nội dung được sửa đổi, bổ sung của Hiến pháp và các luật có liên quan. Luật gồm 05 điều; tập trung sửa đổi, bổ sung một số quy định về vị trí, vai trò, chức năng, nguyên tắc và tổ chức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ trên cơ sở bám sát các chủ trương của Đảng về “sắp xếp lại các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ về trực thuộc Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam”; “hợp nhất cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp Trung ương, cấp tỉnh và cấp xã”; “thống nhất chủ trương kết thúc hoạt động của công đoàn viên chức, công đoàn lực lượng vũ trang”; “phát huy tính chủ động, sáng tạo của mỗi tổ chức (độc lập tương đối)”.

1.7. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng được ban hành nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới. Luật gồm 12 điều, sửa đổi, bổ sung một số điều trong các luật sau: *Luật Quốc phòng; Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam; Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng; Luật Nghĩa vụ quân sự; Luật Biên phòng Việt Nam; Luật Phòng không nhân dân; Luật Lực lượng dự bị động viên; Luật Phòng thủ dân sự; Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; Luật Dân quân tự vệ; Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.*

Nội dung sửa đổi tập trung vào các quy định về vị trí, vai trò, thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quân sự, quốc phòng liên quan đến tổ chức chính quyền 02 cấp để bảo đảm thống nhất với quy định của Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) và các quy định của pháp luật có liên quan, trong đó, có một số nội dung quan trọng như: (i) Bổ sung trách nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định gọi đào tạo sĩ quan dự bị và gọi sĩ quan dự bị vào phục vụ tại ngũ, huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu đối với cán bộ, công chức, hạ sĩ quan dự bị cư trú tại địa phương; (ii) Chuyển thẩm quyền đăng ký quyền sở hữu phương tiện thủy nội địa, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ... từ Ủy ban nhân dân cấp huyện lên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (iii) Chuyển thẩm quyền đăng ký nghĩa vụ quân sự cho công dân làm việc, học tập ở cơ quan, tổ chức từ Ban chỉ quy quân sự cấp huyện về Ủy ban nhân dân cấp xã... Bên cạnh đó, Luật đã bổ sung quy định về đăng ký nghĩa vụ quân sự bằng hình thức trực tuyến; bổ sung quy định sơ tuyển sức khỏe cho công dân trong diện gọi nhập ngũ và công dân trong diện gọi thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân...

1.8. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án gồm 06 điều, sửa đổi, bổ sung quy định trong 05 luật, bộ luật nhằm bảo đảm thống nhất với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân được thông qua tại Kỳ họp thứ 9 và các quy định có liên quan, bảo đảm sự phù hợp với cơ cấu tổ chức các cơ quan sau khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy. Luật tập trung sửa đổi, bổ sung các quy định về: (i) Thẩm quyền của Tòa án nhân dân các cấp trong giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính, giải quyết phá sản, trong đó, Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền xét xử, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm tất cả các tranh chấp, yêu cầu về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại và lao động (trừ yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của một số Tòa án nhân dân cấp tỉnh); đồng thời, Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền xét xử, giải quyết tất cả vụ án hành chính, vụ việc phá sản; (ii) Tổ chức thực hiện hòa giải, đối thoại theo quy định của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới của Tòa án nhân dân; (iii) Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên để thống nhất về tên gọi của Tòa án, thẩm quyền của cơ quan liên quan sau sắp xếp tổ chức bộ máy.

1.9. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được ban hành nhằm kịp thời thể chế hóa chủ trương, định hướng của Đảng về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi). Luật gồm 03 điều, quy định một số nội dung quan trọng như: (i) Lược bỏ hình thức văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện; bổ sung hình thức văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, quyết định của Chủ

tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (ii) Bổ sung yêu cầu về đánh giá việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số... và công tác phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ này; (iii) Điều chỉnh thời gian hoàn thành Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội là 90 ngày kể từ ngày kết thúc Kỳ họp đầu tiên nhiệm kỳ Quốc hội; (iv) Hoàn thiện các quy định về hiệu lực văn bản đối với trường hợp các đơn vị hành chính có sự thay đổi về địa giới; (v) Hoàn thiện quy định về hiệu lực của văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; (vi) Bổ sung quy định các trường hợp cần chuyển tiếp đối với các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành trước khi kết thúc hoạt động...

1.10. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính được ban hành nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; đồng thời, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các luật khác có liên quan được Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung tại Kỳ họp thứ 9; tăng cường việc ứng dụng khoa học, công nghệ trong xử lý vi phạm hành chính. Luật gồm 03 điều, sửa đổi các quy định để bảo đảm thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, đồng thời, quy định một số nội dung về: (i) Sửa đổi, bổ sung quy định về xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản theo hướng tăng giới hạn mức phạt tiền tối đa được thực hiện thủ tục xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản (từ 250.000 đồng lên 500.000 đồng đối với cá nhân; từ 500.000 đồng lên 1.000.000 đồng đối với tổ chức); (ii) Bổ sung quy định về xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử; sửa đổi, bổ sung một số quy định để làm rõ hơn việc xử lý vi phạm hành chính theo phương thức điện tử...

1.11. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được ban hành nhằm kịp thời thể chế hóa, cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Đảng và Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, khắc phục một số vướng mắc trong công tác bầu cử; bảo đảm có thể tiến hành bầu cử sớm vào ngày 15/3/2026. Luật gồm 02 điều, quy định một số nội dung sau: (i) Sửa đổi các quy định liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình 2 cấp (lược bỏ toàn bộ các quy định có nội dung liên quan đến: Hội đồng nhân dân cấp huyện; đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các tổ chức phụ trách bầu cử cấp huyện; đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện; trường hợp huyện không có đơn vị hành chính xã, thị trấn; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện và hội nghị hiệp thương ở cấp huyện); (ii) Sửa đổi các quy định liên quan đến việc điều chỉnh giảm thời gian thực hiện quy trình, thủ tục bầu cử; (iii) Sửa đổi các quy định để lược bỏ sự tham gia của Ban chấp hành công đoàn cơ quan trong việc tổ chức các hội nghị giới thiệu người ứng cử, hội nghị cử tri lấy ý kiến đối với người ứng cử...

1.12. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được ban hành để thể chế hoá kịp thời Nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tăng cường phân cấp, phân quyền, đơn giản hoá thủ tục hành chính và giải quyết các bất cập, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn. Luật gồm 10 điều với một số quy định nổi bật như: (i) Bổ sung quy định về chính sách ưu tiên, ưu đãi trong đầu thầu để hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; cắt giảm, đơn giản thủ tục; sửa đổi quy định về chỉ định thầu và lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; bổ sung các quy định nhằm đảm bảo chất lượng, hiệu quả thực hiện gói thầu, dự án; (ii) Sửa đổi, bổ sung quy định về chính sách hỗ trợ, ưu đãi, bảo đảm của Nhà nước đối với dự án PPP; mở rộng các trường hợp chỉ định nhà đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt; cắt giảm, đơn giản thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp, phân quyền; (iii) Sửa đổi, bổ sung quy định về điều kiện áp dụng và chế độ ưu tiên hải quan đối với doanh nghiệp công nghệ; bổ sung quy định về thủ tục hải quan cho hoạt động xuất khẩu tại chỗ; mở rộng phạm vi miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; (iv) Bổ sung danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư đối với đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ chiến lược; bổ sung khu công nghệ số tập trung vào địa bàn ưu đãi đầu tư; bổ sung quy định về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt đối với các dự án đầu tư trong các lĩnh vực ưu đãi đầu tư về công nghệ chiến lược...; (v) Bổ sung quy định dự án đầu tư công đặc biệt; quy định về hạn mức vốn làm cơ sở cho các bộ, cơ quan, địa phương chủ động thẩm định vốn, phê duyệt chủ trương đầu tư, tăng tính sẵn sàng; cắt giảm, đơn giản thủ tục hành chính đẩy nhanh quá trình thẩm định, phê duyệt chương trình, dự án; (vi) Sửa đổi, bổ sung quy định quản lý, sử dụng tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ để phù hợp với đặc thù của việc quản lý, sử dụng tài sản theo pháp luật khoa học và công nghệ...

1.13. Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) được ban hành nhằm khắc phục các vướng mắc phát sinh trong thực tiễn; hoàn thiện quy định về chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt để mở rộng cơ sở thu, bảo đảm tính minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện, góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả của hoạt động quản lý thuế, góp phần phòng, chống trốn thuế, thất thu và nợ thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ vào ngân sách nhà nước, ổn định nguồn thu ngân sách nhà nước. Luật gồm 4 chương, 11 điều với nhiều quy định mới như: (i) Sửa đổi, bổ sung đối tượng thuộc diện chịu thuế, không chịu thuế (trong đó, quy định điều hòa nhiệt độ trên 24.000 BTU đến 90.000 BTU thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt; bổ sung nước giải khát theo Tiêu chuẩn Việt Nam có hàm lượng đường trên

5g/100ml vào diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt); (ii) Sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế; (iii) Sửa đổi, bổ sung các quy định về thuế suất đối với hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (rượu, bia, thuốc lá, xe pick-up,...)...

1.14. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi) được Quốc hội thông qua nhằm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước về cải cách hệ thống chính sách thuế; khắc phục những bất cập của Luật hiện hành; đảm bảo tính minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện, tính thống nhất, đồng bộ của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp với quy định của pháp luật có liên quan; thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; khuyến khích, thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực và địa bàn ưu tiên... Luật gồm 4 chương, 20 điều, trong đó có một số nội dung nổi bật như: (i) Bổ sung quy định doanh nghiệp nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo các hình thức kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam; (ii) Bổ sung một số khoản thu nhập được miễn thuế để góp phần thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên (trong đó có thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; khoản tài trợ nhận được từ doanh nghiệp không có mối quan hệ liên kết, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để sử dụng cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số...); (iii) Sửa đổi, bổ sung quy định chi tiết một số khoản chi phí được tính vào chi phí được trừ để phù hợp với thực tế phát sinh và đảm bảo đồng bộ với quy định của các Luật mới được ban hành, kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đảm bảo phù hợp với xu hướng phát triển; (iv) Bổ sung mức thuế suất áp dụng riêng cho doanh nghiệp có doanh thu không quá 03 tỷ đồng, doanh nghiệp có doanh thu từ trên 03 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng; (v) Quy định chi tiết về đối tượng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (ngành, nghề, địa bàn và các hoạt động được ưu đãi)...

1.15. Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp được ban hành để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi Luật hiện hành, hoàn thiện thể chế, ổn định môi trường pháp lý cho việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; tạo môi trường và hành lang pháp lý đầy đủ, ổn định cho hoạt động quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; đảm bảo tôn trọng và nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp cùng việc tăng cường sự kiểm tra, giám sát của nhà nước trong quản lý, đầu tư vốn tại doanh nghiệp. Luật có 08 chương, 59 điều, trong đó quy định nhiều nội dung để tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp, như: (i) Quyết định hoặc điều chỉnh chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp; (ii) Quyết định huy động vốn; (iii) Quyết định bảo lãnh cho công ty do doanh nghiệp nắm giữ trên 50% vốn điều lệ vay vốn với tổng giá trị

các khoản bảo lãnh không vượt quá giá trị vốn góp thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm bảo lãnh; (iv) Quyết định cho công ty do doanh nghiệp nắm giữ trên 50% vốn điều lệ vay vốn với tổng giá trị các khoản cho vay đối với từng công ty không vượt quá giá trị vốn góp thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm cho vay; (v) Quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư theo các hình thức đầu tư quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan; (vi) Quyết định tiền lương, thù lao, tiền thưởng... nhưng vẫn bảo đảm vai trò quản lý của Nhà nước với vai trò chủ sở hữu ở mức độ phù hợp...

1.16. Luật Hóa chất (sửa đổi) được Quốc hội thông qua nhằm tạo lập hành lang pháp lý chính thức, thống nhất cho các hoạt động hóa chất trên cả nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với sự phát triển của ngành công nghiệp hóa chất, quản lý hóa chất, giảm thiểu tối đa rủi ro của các hoạt động hóa chất tới sức khỏe người dân, môi trường, xã hội; thu hút đầu tư của các tập đoàn đa quốc gia, các tập đoàn hóa chất lớn. Luật gồm 07 chương, 48 điều, tập trung cụ thể hóa 04 nhóm chính sách, gồm: (i) Phát triển bền vững ngành công nghiệp hóa chất thành ngành công nghiệp nền tảng, hiện đại; (ii) Quản lý hóa chất đồng bộ trong toàn bộ vòng đời; (iii) Quản lý hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm; (iv) Nâng cao hiệu quả đảm bảo an toàn hóa chất...

1.17. Luật Công nghiệp công nghệ số được Quốc hội thông qua để khắc phục các hạn chế, bất cập của pháp luật về công nghiệp công nghệ thông tin và dịch vụ công nghệ thông tin, đồng thời, tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, quy định các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ đầu tư nhằm thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số. Luật gồm 06 chương, 51 điều, trong đó có một số nội dung quan trọng như: (i) Quy định một số chính sách phát triển công nghiệp công nghệ số, huy động nguồn lực đầu tư cho nghiên cứu, phát triển, thiết kế, chuyển giao công nghệ; từng bước làm chủ công nghệ số; xây dựng hạ tầng công nghiệp công nghệ số dùng chung quy mô vùng, quốc gia; (ii) Quy định về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số; phát triển cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyên ngành công nghệ số; cơ chế ưu đãi đặc biệt nhằm thu hút, trọng dụng nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số; (iii) Thiết lập hành lang pháp lý về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số trong các ngành, lĩnh vực, trong đó có cơ chế loại trừ trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong thử nghiệm; (iv) Quy định cơ chế ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế và các cơ chế ưu đãi khác trong nghiên cứu, thử nghiệm, phát triển, sản xuất, ứng dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; chính sách phát triển thị trường cho doanh nghiệp công nghiệp công nghệ số; cơ chế đặt hàng, ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước...

1.18. Luật Nhà giáo được Quốc hội thông qua nhằm thể chế hóa quan điểm của Đảng về vai trò quan trọng quyết định của nhà giáo trong bảo đảm chất

lượng giáo dục, khắc phục bất cập trong quản lý nhà nước và kiến tạo chính sách đột phá phát triển đội ngũ nhà giáo. Luật gồm 09 chương, 42 điều với một số chính sách nổi bật như: (i) Quy định áp dụng chuẩn nghề nghiệp thống nhất cho tất cả nhà giáo cả khu vực công lập và ngoài công lập nhằm chuẩn hóa đội ngũ; (ii) Trao quyền chủ động và nâng cao trách nhiệm của ngành giáo dục trong tuyển dụng, sử dụng, quản lý nhà giáo bảo đảm số lượng, cơ cấu và chất lượng đội ngũ; (iii) Ưu tiên thu hút, trọng dụng người có tài năng, năng khiếu, kỹ năng nghề cao làm nhà giáo; (iv) Lương của nhà giáo ở khu vực công lập được xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có phụ cấp ưu đãi nghề, phụ cấp khác tùy theo tính chất công việc, theo vùng; Nhà giáo mầm non, nhà giáo công tác ở vùng khó khăn... được hưởng chế độ tiền lương và phụ cấp cao hơn; (v) Nhà giáo có học hàm, học vị cao được kéo dài thời gian nghỉ hưu nếu có nguyện vọng và đáp ứng yêu cầu của cơ sở giáo dục; giáo viên mầm non có thể nghỉ hưu sớm hơn tuổi quy định của pháp luật và không bị giảm tỉ lệ lương hưu nếu đã đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 15 năm; (vi) Nhà giáo trong cơ sở giáo dục đại học được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp do nhà trường thành lập, hoạt động trong lĩnh vực phát triển nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ...

1.19. Luật Việc làm (sửa đổi) được ban hành để khắc phục hạn chế, đáp ứng các yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội; thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế. Luật gồm 08 chương, 55 điều, trong đó có một số điểm mới cơ bản như: (i) Mở rộng đối tượng vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài tạo cơ hội cho tất cả người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; (ii) Giao Chính phủ căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội và yêu cầu cho vay vốn giải quyết việc làm để quyết định mở rộng đối tượng được vay với mức lãi suất thấp hơn khi vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm và vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; (iii) Quy định trong trường hợp khủng hoảng, suy thoái kinh tế, thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa hoặc dịch bệnh nguy hiểm, căn cứ tình hình thực tế và kết dư Quỹ bảo hiểm thất nghiệp, Chính phủ quy định việc giảm mức đóng bảo hiểm thất nghiệp, hỗ trợ bằng tiền hoặc các hỗ trợ khác; (iv) Bổ sung quy định về đăng ký lao động và cơ sở dữ liệu về người lao động, hệ thống thông tin thị trường lao động và việc khai thác hệ thống thông tin thị trường lao động; (v) Mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp; (vi) Quy định mức đóng bảo hiểm thất nghiệp theo hướng linh hoạt...

1.20. Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi) được Quốc hội thông qua đã sửa đổi toàn diện Luật Cán bộ, công chức hiện hành nhằm kịp thời thể chế hóa chủ trương của Đảng liên quan đến xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, bảo đảm tính đồng bộ, liên thông trong hệ thống cán bộ, công chức từ Trung ương đến cơ sở phù hợp với chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; đồng thời, khắc phục một số hạn chế, bất cập của Luật hiện hành. Luật gồm 07

chương, 45 điều với một số quy định mới như: (i) Hoàn thiện quy định về thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và chính sách đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ; (ii) Đổi mới phương thức tuyển dụng công chức theo vị trí việc làm, theo đó công chức được tuyển dụng phải đáp ứng ngay yêu cầu vị trí việc làm (không còn chế độ tập sự đối với công chức); (iii) Đổi mới quy trình đánh giá cán bộ, công chức, có cơ chế để sàng lọc, bố trí vào vị trí việc làm phù hợp, cho thôi việc đối với những công chức không đạt yêu cầu của vị trí việc làm đảm nhận; (iv) Bổ sung một số quy định để khuyến khích và bảo vệ cán bộ, công chức đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trong thực thi công vụ...

1.21. Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi) được Quốc hội thông qua đã sửa đổi toàn diện Luật Ngân sách nhà nước hiện hành để thể chế hóa chủ trương, định hướng của Đảng, bảo bảo tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật, làm rõ trách nhiệm, quyền hạn giữa trung ương và địa phương theo nguyên tắc “cấp nào thực hiện hiệu quả nhất thì giao cho cấp đó”, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc thực hiện phân quyền; loại bỏ cơ chế “xin – cho”, góp phần nâng cao tính minh bạch, phòng ngừa tiêu cực và cải cách thủ tục hành chính, hoàn thiện thể chế quản lý tài chính công hiện đại, hiệu quả. Luật gồm 07 chương, 79 điều với một số điểm mới như: (i) Bổ sung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ; (ii) Bổ sung quy định về phân cấp nguồn thu giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương; (iii) Bổ sung quy định thưởng 10% số vượt dự toán thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu qua biên giới đất liền... Bên cạnh đó, Luật đã lược bỏ các quy định liên quan đến: số kiểm tra, kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm....

1.22. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân được Quốc hội ban hành nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, thống nhất cho công tác bảo vệ dữ liệu cá nhân của nước ta; nâng cao năng lực bảo vệ dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận trình độ quốc tế và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời đại số. Luật gồm 05 chương, 39 điều với một số điểm mới nổi bật như: (i) Xác định chính xác, đầy đủ những hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân; vai trò của các bên trong hoạt động xử lý; (ii) Xây dựng nguyên tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân; (iii) Quy định quyền và nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu; (iv) Điều chỉnh quy định về cấm mua, bán dữ liệu cá nhân phù hợp với thực tiễn; bổ sung quy định về chuyên giao dữ liệu phù hợp; (v) Quy định chế tài xử phạt vi phạm về bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với từng đối tượng, hành vi; (vi) Xác định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước của các bộ, ngành có liên quan theo hướng Chính phủ thống nhất thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ dữ liệu cá nhân...

1.23. Luật Tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc được Quốc hội ban hành nhằm thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng; cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 và các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, vững chắc, lâu dài, ổn định cho việc

triển khai lực lượng tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc. Luật gồm 05 chương, 27 điều với một số nội dung nổi bật như: (i) Mở rộng đối tượng tham gia là lực lượng dân sự (cụ thể là cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước được cử tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc); (ii) Bổ sung và làm rõ quy định về thẩm quyền, quy trình cử, điều chỉnh, gia hạn nhiệm kỳ công tác và rút lực lượng vũ trang, lực lượng dân sự; (iii) Bổ sung quy định mang tính nguyên tắc về tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng, trang bị, trang phục cho lực lượng tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc; (iv) Bổ sung quy định về chính sách của Nhà nước và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này...

1.24. Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được ban hành để kịp thời thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng nhằm thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, nâng cao năng lực cạnh tranh và ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Luật gồm 7 chương, 73 điều, trong đó có một số nội dung quan trọng như: (i) Quy định chính sách nhằm khuyến khích, huy động nguồn lực từ doanh nghiệp tham gia vào hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (ii) Quy định quyền quản lý, sử dụng, sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước; (iii) Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong một hệ sinh thái hoàn chỉnh và cân bằng (bao gồm thể chế, hạ tầng, nhân lực và các chủ thể như doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, nhà nước, nhà nghiên cứu, các định chế tài chính, tổ chức trung gian, trung tâm đổi mới sáng tạo, các quỹ nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ và đầu tư mạo hiểm); (iv) Quy định về thử nghiệm có kiểm soát quy trình, giải pháp, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới; (v) Quy định chuyển đổi số toàn diện trong quản lý và hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (vi) Đẩy mạnh chính sách thu hút nhân tài, chuyên gia nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về làm việc tại Việt Nam; (vii) Bổ sung quy định về tổng công trình sư, tăng cường các chính sách ưu đãi đối với cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo...

1.25. Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi) được ban hành, sửa đổi toàn diện và khắc phục những bất cập, hạn chế của Luật Năng lượng nguyên tử hiện hành để đáp ứng yêu cầu thực tiễn về an toàn, an ninh và thanh sát hạt nhân, quản lý nhà nước đối với nhà máy điện hạt nhân, lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu; nội luật hóa các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, phù hợp với yêu cầu của Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA); đáp ứng kịp thời sự phát triển nhanh của khoa học và công nghệ hạt nhân, công nghệ bức xạ; hoàn thiện cơ sở pháp lý để triển khai, xây dựng, vận hành nhà máy điện hạt nhân, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Luật gồm 08 chương, 73 điều, tập trung vào các nhóm chính sách như: (i)

Thúc đẩy phát triển và xã hội hóa ứng dụng năng lượng nguyên tử; (ii) Bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn và an ninh hạt nhân, phân cấp trong công tác quản lý nhà nước; (iii) Tạo thuận lợi cho hoạt động thanh sát hạt nhân; (iv) Quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng và nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng; (v) Ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân; trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại hạt nhân...

1.26. Luật Đường sắt (sửa đổi) được Quốc hội thông qua đã sửa đổi toàn diện Luật Đường sắt hiện hành, kịp thời thể chế hóa đầy đủ, toàn diện các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về định hướng phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tạo hành lang pháp lý vững chắc, tháo gỡ các rào cản, khơi thông nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển của ngành, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội bền vững và hội nhập quốc tế sâu rộng trong giai đoạn mới. Luật gồm 04 chương, 59 điều, tập trung vào 05 nhóm chính sách: (i) Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt; (ii) Quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt; (iii) Hoạt động vận tải đường sắt; (iv) Kết nối các phương thức vận tải; (v) Phát triển công nghiệp và nguồn nhân lực đường sắt.

1.27. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật được ban hành nhằm thể chế hóa chủ trương đổi mới của Đảng và Nhà nước ta đối với lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; khắc phục những hạn chế, bất cập, bảo đảm phù hợp với các cam kết trong Hiệp định Thương mại tự do (FTA) thế hệ mới khi Việt Nam gia nhập, đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Luật gồm 02 điều, tập trung sửa đổi, bổ sung 06 nhóm chính sách: (i) Đảm bảo thúc đẩy hội nhập quốc tế sâu rộng và triển khai đầy đủ các cam kết quốc tế về yêu cầu minh bạch hóa; (ii) Thúc đẩy xã hội hóa hoạt động xây dựng, phổ biến và áp dụng tiêu chuẩn; (iii) Tăng cường tính hiệu quả của hoạt động đánh giá sự phù hợp; (iv) Hoàn thiện quy định về nguyên tắc, đối tượng, trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn Việt Nam, ban hành quy chuẩn Việt Nam, quy chuẩn địa phương; nâng cao hiệu quả hoạt động xây dựng, quản lý tiêu chuẩn cơ sở; (v) Tạo thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đồng thời đảm bảo hiệu quả, đúng quy định pháp luật, điều ước quốc tế trong quản lý, sử dụng và khai thác tiêu chuẩn; (vi) Tăng cường phân cấp, phân quyền, phối hợp giữa các bộ, ngành, giữa cơ quan trung ương và địa phương, đổi mới cơ chế, chính sách thu hút, đào tạo nhân lực hoạt động trong hoạt động tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, nâng cao hiệu quả tổ chức, hoạt động của Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia...

1.28. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo được ban hành nhằm thể chế hóa kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển văn hóa trong thời kỳ chuyển đổi số; khắc phục những bất cập trong công tác quản lý hoạt động quảng cáo; hoàn thiện hành

lang pháp lý đồng bộ, thống nhất để thúc đẩy lĩnh vực quảng cáo phát triển theo hướng hiện đại, minh bạch, lành mạnh, vì lợi ích chung của xã hội, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực quảng cáo. Luật gồm 03 điều với một số nội dung nổi bật như: (i) Sửa đổi khái niệm về người chuyển tải sản phẩm quảng cáo nhằm phù hợp với thực tiễn và bổ sung quyền, nghĩa vụ của nhóm đối tượng này, bao gồm cả người có ảnh hưởng theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; (ii) Hoàn thiện yêu cầu đối với nội dung quảng cáo, bảo đảm tính trung thực, chính xác, rõ ràng, không gây hiểu nhầm về tính năng, chất lượng, công dụng của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; (iii) Phân định rõ ranh giới giữa quảng cáo và hoạt động trưng bày, giới thiệu sản phẩm trong môi trường thương mại điện tử; (iv) Sửa đổi các quy định liên quan đến diện tích quảng cáo trên báo in, thời lượng quảng cáo trên truyền hình; (v) Bổ sung quy định về trách nhiệm của các chủ thể tham gia hoạt động quảng cáo trực tuyến, cung cấp dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới và thiết lập quy trình phát hiện, ngăn chặn, gỡ bỏ quảng cáo vi phạm pháp luật; (vi) Phân định rõ thẩm quyền, đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước cho chính quyền các cấp...

1.29. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự được ban hành nhằm thể chế hoá quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về hình sự, bảo đảm đồng bộ với quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; tiếp tục cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân, phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; tháo gỡ, giải quyết khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn thi hành Bộ luật Hình sự... Luật gồm 04 điều, tập trung vào các nội dung sau đây: (i) Bỏ hình phạt tử hình tại 08 tội danh¹; bổ sung 01 trường hợp không thi hành án tử hình và bổ sung mới 01 điều về tội sử dụng trái phép chất ma túy; (ii) Sửa đổi, bổ sung theo hướng nâng mức hình phạt tù hoặc nâng mức phạt tiền là hình phạt chính và hình phạt bổ sung tại một số tội danh về tham nhũng, ma túy, môi trường, an toàn thực phẩm, hàng giả; (iii) Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Luật Thi hành án hình sự, Luật Đặc xá, Luật Phòng, chống mua bán người và Luật Công an nhân dân để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về trình tự, thủ tục và tổ chức thi hành án tử hình, đồng bộ với nội dung sửa đổi, bổ sung Bộ luật Hình sự; phục vụ yêu cầu sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy ...

1.30. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp được ban hành nhằm thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây

¹ Gồm các tội: (1) Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân (Điều 109); (2) Tội gián điệp (Điều 110); (3) Tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 114); (4) Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh (Điều 194); (5) Tội vận chuyển trái phép chất ma túy (Điều 250); (6) Tội tham ô tài sản (Điều 353); (7) Tội nhận hối lộ (Điều 354); (8) Tội phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược (Điều 421).

dựng, hoàn thiện pháp luật, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, thực hiện cam kết quốc tế về phòng, chống rửa tiền liên quan đến quy định về “chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp”. Luật gồm 03 điều, sửa đổi, bổ sung một số quy định như: (i) Đối tượng được thành lập, tham gia quản lý, điều hành, làm việc tại doanh nghiệp theo quy định tại pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; (ii) Một số khái niệm, quy định về gia nhập thị trường của doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp và công tác quản lý nhà nước (như: sửa đổi, bổ sung khái niệm về cổ tức, giá thị trường của phần vốn góp hoặc cổ phần...; quy định về kê khai giả mạo, kê khai không vốn điều lệ; quy định về giảm vốn điều lệ đối với việc doanh nghiệp hoàn lại vốn góp cho cổ đông sở hữu cổ phần có quyền ưu đãi hoàn lại; quy định về yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông; quy định về điều kiện phát hành trái phiếu riêng lẻ của công ty không phải là công ty niêm yết; bỏ quy định về yêu cầu người đăng ký thành lập doanh nghiệp phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh...); (iii) Bổ sung quy định về khái niệm “chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp” theo hướng khái quát, quy định nguyên tắc chung như tại dự thảo Luật đề tương đồng với Luật Phòng, chống rửa tiền; (iv) Bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan đăng ký doanh nghiệp và một số cơ sở dữ liệu thuộc ngành, lĩnh vực khác trong việc thu thập, lưu trữ, cung cấp, chia sẻ thông tin về đăng ký, thành lập doanh nghiệp...

1.31. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được ban hành để thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, giúp Việt Nam thu hút và huy động được các nguồn lực quốc tế để hỗ trợ, thúc đẩy quá trình đầu tư tiết kiệm năng lượng, chuyển đổi thị trường các sản phẩm tiết kiệm năng lượng; góp phần giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và suy thoái của môi trường đang có xu hướng diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường, giúp đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thực hiện cam kết đưa phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Luật gồm 03 điều, tập trung quy định các nội dung: (i) Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; (ii) Quản lý phát triển đối với dịch vụ tư vấn năng lượng, kiểm toán năng lượng, đào tạo nhân lực trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; (iii) Quy định về chính sách ưu đãi, công cụ hỗ trợ tài chính cho lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; (iv) Chuyển đổi thị trường và quản lý hiệu suất phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng...

1.32. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được Quốc hội thông qua để đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với các cam kết của Việt Nam trong 17 Hiệp định Thương mại tự do (FTA) thế hệ mới; tạo môi trường sản xuất, kinh doanh minh bạch, thúc đẩy phát triển thương mại, thị trường xuất khẩu, nhập khẩu, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và đạt mục tiêu tăng trưởng nhanh, bền vững trong thời gian tới. Luật gồm 03 điều, tập trung vào các nội dung: (i) Đổi mới việc xác định sản

phẩm, hàng hoá có khả năng gây mất an toàn (sản phẩm, hàng hóa nhóm 2) và hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa; (ii) Ứng dụng công nghệ trong quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; (iii) Phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; (iv) Tăng cường tính hiệu quả của hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá, đẩy mạnh phân công, phân cấp quản lý để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay...

1.33. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam được ban hành nhằm tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về vấn đề quốc tịch và công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài; thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài, các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành đóng góp vào sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới. Luật gồm 03 điều, trong đó tập trung vào các nội dung: (i) Quy định 03 nhóm đối tượng, gồm người ứng cử, được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm, chỉ định giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, địa phương; người làm việc trong tổ chức cơ yếu; người tham gia lực lượng vũ trang phải là người chỉ có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam và phải thường trú tại Việt Nam; trường hợp ngoại lệ không áp dụng điều kiện chỉ có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam được áp dụng đối với công chức, viên chức không thuộc nhóm đối tượng nêu trên khi điều đó có lợi cho Nhà nước Việt Nam, không làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam và phải thường trú tại Việt Nam; (ii) Quy định quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền Việt Nam liên quan đến quốc tịch Việt Nam không bị khiếu nại, khiếu kiện; (iii) Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến việc nhập quốc tịch Việt Nam nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các trường hợp có cha đẻ hoặc mẹ đẻ hoặc ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam; nhà đầu tư, nhà khoa học, chuyên gia nước ngoài... được nhập quốc tịch Việt Nam; (iv) Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến việc trở lại quốc tịch Việt Nam nhằm tạo điều kiện cho các trường hợp đã mất quốc tịch Việt Nam được trở lại quốc tịch Việt Nam; (v) Bổ sung quyền lựa chọn đặt tên của người xin nhập, xin trở lại quốc tịch Việt Nam trong trường hợp đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài...

1.34. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng được ban hành nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn về hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, nâng cao hiệu quả xử lý nợ xấu và tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu, khơi thông nguồn lực tín dụng phục vụ mục tiêu tăng trưởng kinh tế 8% trở lên trong năm 2025, tạo tiền đề tăng trưởng hai con số trong những năm tiếp theo, bảo đảm tính kịp thời của việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng trong các trường hợp khẩn cấp. Luật gồm 02 điều, trong đó: (i) Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định cho vay đặc biệt đối với khoản vay có lãi suất 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm từ Thủ tướng Chính phủ sang

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; (ii) Luật hóa một số quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, bao gồm: quy định về quyền thu giữ tài sản bảo đảm; quy định về kê biên tài sản của bên phải thi hành án đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản nợ xấu; quy định về hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự, là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành chính...

1.35. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự được ban hành nhằm đáp ứng yêu cầu sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động tố tụng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng và khắc phục bất cập, xử lý một số vấn đề cấp bách, phát sinh trong thực tiễn tiến hành tố tụng hình sự thời gian qua. Luật gồm 02 điều, sửa đổi, bổ sung 120 điều/510 điều, bổ sung mới 01 điều so với Bộ luật hiện hành; trong đó quy định một số nội dung lớn sau: (i) Sửa đổi, bổ sung các quy định về thẩm quyền của cơ quan điều tra, các cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân đáp ứng yêu cầu sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, không tổ chức cấp huyện; (ii) Trình tự, thủ tục thi hành án tử hình; (iii) Thủ tục điều tra, truy tố trong trường hợp bị can vắng mặt hoặc bỏ trốn; (iv) Sửa đổi, bổ sung một số quy định để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong hoạt động tố tụng hình sự; (v) Bổ sung quy định có tính nguyên tắc về việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, nội dung cụ thể sẽ được quy định trong Luật Dẫn độ...

1.36. Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật được ban hành nhằm kịp thời thể chế hóa chủ trương của Đảng về công tác xây dựng thể chế, pháp luật, nhất là Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Nghị quyết gồm 12 điều, trong đó quy định một số nội dung như: (i) Nguyên tắc áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt; (ii) Ngân sách thực hiện cơ chế, chính sách đặc biệt; (iii) Chế độ, chính sách đối với người tham gia công tác xây dựng pháp luật; (iv) Bảo đảm và nâng cao chất lượng nhân lực làm công tác xây dựng pháp luật; thu hút, sử dụng tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng pháp luật và một số nhiệm vụ, hoạt động tổ chức thi hành pháp luật hỗ trợ trực tiếp cho xây dựng pháp luật; (v) Phát triển, ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số phục vụ đổi mới, hiện đại hóa công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật...

1.37. Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật nhằm thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Đảng về công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật, để công tác hoàn thiện thể chế, pháp luật mở đường cho kiến tạo phát triển, khơi thông các nguồn

lực, huy động mọi người dân, doanh nghiệp tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội, tạo đà để đất nước phát triển bứt phá, bước vào Kỷ nguyên mới, thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược đã đề ra. Nghị quyết gồm 07 điều, trong đó quy định một số nội dung căn bản về: (i) Tiêu chí xác định khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật; nguyên tắc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật; (ii) Phương án xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật; (iii) Quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;...

1.38. Nghị quyết về việc thí điểm Viện kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền dân sự của các chủ thể là nhóm dễ bị tổn thương hoặc bảo vệ lợi ích công được thông qua thể chế hóa chủ trương, nhiệm vụ về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong tình hình mới, tạo lập công cụ pháp lý để bảo vệ tốt hơn quyền con người, quyền công dân, lợi ích của Nhà nước và lợi ích công cộng theo yêu cầu của Hiến pháp. Nghị quyết gồm 04 chương 19 điều với một số nội dung lớn như: (i) Quy định Viện kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự công ích trong trường hợp không có người khởi kiện để bảo vệ quyền dân sự của các chủ thể là nhóm dễ bị tổn thương hoặc bảo vệ lợi ích công và việc bảo đảm quyền khởi kiện của Viện kiểm sát nhân dân. Trong đó, Nhóm dễ bị tổn thương gồm: Trẻ em theo quy định của Luật Trẻ em, người cao tuổi theo quy định của Luật Người cao tuổi, người khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và người mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật Dân sự, người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật; lợi ích công gồm lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước thuộc các lĩnh vực: đầu tư công, đất đai, tài nguyên, tài sản công khác, môi trường sinh thái, di sản văn hoá, an toàn thực phẩm, được phẩm, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; (ii) Quy định về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự công ích...

1.39. Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân được Quốc hội thông qua nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn lực; thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, đào tạo nguồn nhân lực, mở rộng sự tham gia của các doanh nghiệp tư nhân vào các dự án quan trọng quốc gia, hỗ trợ doanh nghiệp tiên phong, vươn tầm quốc tế nhằm tạo “*cú hích, đòn bẩy, điểm tựa*” tạo động lực mới, giải phóng nguồn lực, sức sản xuất của kinh tế tư nhân. Nghị quyết gồm 17 điều, với nhiều quy định mang tính đột phá về: (i) Cải thiện môi trường kinh doanh; (ii) Hỗ trợ tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh; (iii) Hỗ trợ tài chính, tín dụng và mua sắm công; (iv) Hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nhân lực; (v) Hỗ trợ hình thành doanh nghiệp vừa và lớn, doanh nghiệp tiên phong, góp phần tạo ra những thay đổi quan trọng trong việc hỗ trợ và thúc đẩy khu vực

kinh tế tư nhân phát triển... Nghị quyết giao Chính phủ chậm nhất ngày 31/12/2025 hoàn thành việc rà soát, loại bỏ những điều kiện kinh doanh không cần thiết, quy định chồng chéo, không phù hợp, cản trở sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân và các nhiệm vụ tổ chức thực hiện cụ thể; đồng thời, đặt ra mục tiêu, chậm nhất ngày 31/12/2026 hoàn thành việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về đất đai, quy hoạch, đầu tư...

1.40. Nghị quyết Thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội được Quốc hội thông qua nhằm kịp thời tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn, tạo hành lang pháp lý thông thoáng, có cơ chế ưu đãi hơn, giảm bớt các trình tự, thủ tục để thu hút nhiều doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm sớm hoàn thành mục tiêu xây dựng ít nhất 01 triệu căn nhà ở xã hội; đồng thời, bổ sung cơ chế, chính sách ưu đãi về nhà ở xã hội để góp phần nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân. Nghị quyết gồm 14 điều, trong đó quy định thí điểm 08 cơ chế, chính sách sau: (i) Việc thành lập Quỹ nhà ở quốc gia; (ii) Việc giao chủ đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư không thông qua đấu thầu đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân không sử dụng vốn đầu tư công; (iii) Việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch chi tiết dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội; (iv) Cắt giảm một số thủ tục đầu tư xây dựng nhà ở xã hội; (v) Việc xác định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội; (vi) Điều kiện về nhà ở để được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội; (vii) Thuê nhà ở xã hội, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp; (viii) Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tạo quỹ đất phát triển nhà ở xã hội.

1.41. Quốc hội đã xem xét, thông qua Nghị quyết về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam để thu hút dòng vốn quốc tế phục vụ cho 3 đột phá chiến lược, các động lực tăng trưởng truyền thống và động lực tăng trưởng mới (kinh tế số, kinh tế xanh, đổi mới sáng tạo,...), phát triển dịch vụ tài chính cao cấp, thử nghiệm và quản lý các thị trường mới do thực tiễn đặt ra (tài sản số, tín chỉ carbon...), hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần kết nối Việt Nam với thị trường tài chính toàn cầu, thúc đẩy thương mại với thị trường quốc tế, thu hút đầu tư tài chính nước ngoài, tạo nguồn lực đầu tư mới, góp phần đưa Việt Nam tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị kinh tế toàn cầu, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Nghị quyết gồm 06 chương, 35 điều, quy định về việc thành lập, hoạt động, quản lý, giám sát và các cơ chế, chính sách đặc thù áp dụng đối với Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam, trong đó quy định các nhóm chính sách đặc thù áp dụng trong Trung tâm tài chính quốc tế, như: (i) Chính sách về ngoại hối, hoạt động ngân hàng; (ii) Chính sách về tài chính, phát triển thị trường vốn; (iii) Chính sách thuế và ưu đãi tài chính; (iv) Chính sách xuất nhập cảnh, đất đai...

1.42. Nghị quyết về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng được ban hành để thay thế Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội nhằm bảo đảm căn cứ pháp lý và công cụ quan

trọng để Hải Phòng bứt phá và trở thành động lực tăng trưởng của cả nước; giúp Hải Phòng chủ động, khai thác hiệu quả các lợi thế, tiềm năng trong huy động nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tăng thu ngân sách nhà nước, phát huy tốt vai trò đầu tàu của vùng đồng bằng sông Hồng, vai trò lan tỏa của trục động lực phát triển kinh tế: Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh để đẩy nhanh cho sự phát triển kinh tế vùng. Nghị quyết gồm 03 chương, 12 điều, trong đó có quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về: (i) Quản lý đầu tư; (ii) Quản lý tài chính, ngân sách nhà nước; (iii) Quản lý quy hoạch, đô thị, tài nguyên và môi trường; (iv) Quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; (v) Thành lập Khu Thương mại tự do tại Thành phố; cơ chế, chính sách trong Khu Thương mại tự do tại Thành phố...

1.43. Quốc hội đã thông qua ***Nghị quyết về giảm thuế giá trị gia tăng*** nhằm thúc đẩy tăng trưởng, góp phần đạt được mục tiêu tăng trưởng 8% đã đề ra. Nghị quyết gồm 02 điều, trong đó quy định giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng, áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 (còn 8%), trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ (viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, sản phẩm kim loại, sản phẩm khai khoáng (trừ than), sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ xăng)); thời gian áp dụng từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026.

1.44. Quốc hội đã xem xét, thông qua ***Nghị quyết về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp*** để triển khai chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc hỗ trợ, khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nghị quyết gồm 02 điều, trong đó quy định kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

1.45. ***Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nội quy kỳ họp Quốc hội ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/2022/QH15 của Quốc hội*** được Quốc hội thông qua nhằm hội nhằm bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ với các luật, nghị quyết của liên quan của Quốc hội mới được ban hành, bảo đảm triển khai hiệu quả, thông suốt hoạt động của Quốc hội sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội trong giai đoạn mới. Nghị quyết gồm 02 điều, nội dung tập trung vào các vấn đề như: (i) Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến tên gọi, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan của Quốc hội; quy định về kỳ họp bất thường/kỳ họp không thường lệ; quy định liên quan đến Tổng Thư ký Quốc hội, Ban Thư ký và việc triển khai các nghiệp vụ thư ký tại kỳ họp Quốc hội...; (ii) Sửa đổi, bổ sung các quy định để bảo đảm phù hợp và tương thích với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật,

trong đó có quy định liên quan đến quy trình xem xét, thông qua, trách nhiệm giải trình ý kiến đại biểu Quốc hội tại các phiên thảo luận trong kỳ họp Quốc hội...; (iii) Sửa đổi, bổ sung một số nội dung khác để bảo đảm phù hợp với thực tiễn, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả của kỳ họp Quốc hội...

1.46. Quốc hội đã thông qua *Nghị quyết về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân* nhằm thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng, thể hiện tính ưu việt của chế độ, đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục, từng bước đạt mục tiêu phổ cập giáo dục 9 năm, góp phần đảm bảo an sinh, xã hội, giảm gánh nặng kinh tế cho các gia đình có con đang theo học trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên toàn quốc, khuyến khích phát triển giáo dục ngoài công lập, tăng cường xã hội hóa giáo dục. Nghị quyết gồm 05 điều, trong đó quy định miễn học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục công lập; hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục. Mức hỗ trợ đóng học phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo khung học phí do Chính phủ quy định. Kinh phí thực hiện chính sách miễn, hỗ trợ học phí do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành; ngân sách trung ương hỗ trợ đối với các địa phương chưa cân đối được ngân sách để thực hiện chính sách miễn, hỗ trợ học phí theo quy định của pháp luật.

1.47. *Nghị quyết về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi* được Quốc hội thông qua để kịp thời thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng, tạo điều kiện cho trẻ em 3 đến 5 tuổi được đến trường, nhằm phát triển toàn diện, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một. Nghị quyết gồm 06 điều, trong đó đề ra mục tiêu đến năm 2030 đạt 100% tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, đồng thời quy định một số nội dung như: (i) Nhà nước bảo đảm nguồn lực đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đạt chuẩn; bảo đảm đủ số lượng đội ngũ giáo viên mầm non theo định mức quy định; bảo đảm chế độ, chính sách đối với trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong cơ sở giáo dục mầm non; (ii) Huy động xã hội hóa giáo dục mầm non; (iii) Ưu tiên phát triển giáo dục mầm non ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo, bãi ngang, ven biển, khu đông dân cư, địa bàn có khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất...

1.48. Bên cạnh đó, Quốc hội đã xem xét, thông qua *Nghị quyết về việc thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, các luật tố tụng và luật khác có liên quan*.

2. Các dự án luật được Quốc hội cho ý kiến

2.1. Dự án Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù được xây dựng để thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về tăng cường hội nhập quốc tế, cải cách pháp luật, cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền con người trong lĩnh vực tư pháp; qua đó, hoàn thiện pháp luật về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù theo hướng nhân đạo, toàn diện, cụ thể, đồng bộ, thống nhất, khả thi, ổn định, thúc đẩy hợp tác quốc tế trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; giúp bảo đảm tốt hơn quyền con người của người đang chấp hành án phạt tù; góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù...

2.2. Dự án Luật Dẫn độ được xây dựng nhằm hoàn thiện pháp luật về dẫn độ theo hướng đồng bộ, hiện đại, bảo đảm chặt chẽ, khả thi, phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế; thúc đẩy hợp tác quốc tế về dẫn độ, nâng cao hiệu quả truy bắt các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội bỏ trốn ra nước ngoài; bảo vệ sự tôn nghiêm của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân cũng như góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả và bảo đảm mục tiêu quản lý nhà nước trong lĩnh vực dẫn độ; tạo nền tảng cho việc ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế về dẫn độ. Đồng thời, hoàn thiện cơ sở pháp lý để thực thi các cam kết của Việt Nam tại các Điều ước quốc tế về dẫn độ; góp phần tăng cường hợp tác trong lĩnh vực tư pháp hình sự, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm, đặc biệt là tội phạm xuyên quốc gia, góp phần bảo vệ an ninh trật tự quốc gia, hòa bình và an ninh quốc tế...

2.3. Dự án Luật Tình trạng khẩn cấp được xây dựng để thể chế hóa chủ trương, quan điểm của Đảng về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc và Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống pháp luật về tình trạng khẩn cấp; tạo lập cơ sở pháp lý cho thi hành luật để tăng cường tính chủ động trong ứng phó, khắc phục kịp thời, hiệu quả trường hợp xảy ra tình huống khẩn cấp, góp phần bảo vệ Nhà nước và Nhân dân, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân...

2.4. Dự án Luật Tương trợ tư pháp về dân sự được xây dựng để hoàn thiện pháp luật tương trợ tư pháp về dân sự theo hướng hiện đại, khả thi, hỗ trợ quy trình giải quyết các vụ việc dân sự (theo nghĩa rộng) và vụ án hành chính có yếu tố nước ngoài được nhanh chóng, chính xác, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đối tượng có liên quan; tăng cường khả năng thực hiện quyền tiếp cận công lý của tổ chức, cá nhân; hoàn thiện cơ sở pháp lý trong nước tạo thuận lợi cho ký kết và thực hiện Điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự; thúc đẩy và nâng cao hiệu quả của hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tư pháp của Việt Nam...

2.5. Dự án Luật Tương trợ tư pháp về hình sự được xây dựng nhằm hoàn thiện các quy phạm pháp luật về tương trợ tư pháp hình sự theo hướng tách các quy phạm pháp luật về tương trợ tư pháp hình sự ra khỏi Luật tương trợ tư pháp năm 2007 thành đạo luật riêng nhằm đáp ứng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp và tăng cường hội nhập, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tư pháp; bảo đảm tương thích và đồng bộ với hệ thống pháp luật trong nước, các cam kết quốc tế của Việt Nam trong cùng lĩnh vực; khắc phục những hạn chế, bất cập trong Luật tương trợ tư pháp hiện hành; góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân...

2.6. Ngoài ra, tại Kỳ họp, Quốc hội đã tiến hành thảo luận về dự án **Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch**, trên cơ sở đó, Quốc hội đã thống nhất chưa thông qua dự án Luật này tại Kỳ họp thứ 9 để tiếp tục rà soát, nghiên cứu sửa đổi toàn diện Luật Quy hoạch, trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 10 theo đề nghị của Chính phủ.

II. VỀ CÔNG TÁC NHÂN SỰ VÀ XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG

1. Quốc hội đã thảo luận xem xét, thống nhất thông qua **Nghị quyết về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh**; cùng với đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành 34 Nghị quyết về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của 34 tỉnh, thành phố. Các nghị quyết có hiệu lực thi hành đồng bộ với hiệu lực thi hành của Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi).

Theo đó, sau sắp xếp, cả nước có **34** đơn vị hành chính cấp tỉnh gồm 06 thành phố trực thuộc trung ương và 28 tỉnh (*giảm 29 tỉnh, tương đương 46,03%*) và **3.321** đơn vị hành chính cấp xã, gồm 2.621 xã, 687 phường và 13 đặc khu (*giảm 6.714 đơn vị, tương đương 66,91%*), phù hợp với chủ trương của Đảng và định hướng tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, đáp ứng yêu cầu tổ chức chính quyền địa phương cấp xã gần dân, sát dân, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

2. Quốc hội đã xem xét, thông qua **Nghị quyết về việc rút ngắn nhiệm kỳ Quốc hội khoá XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031**. Theo đó, Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 là Chủ nhật, ngày 15 tháng 3 năm 2026; Kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khoá XVI được triệu tập chậm nhất là 60 ngày, kể từ ngày bầu cử; Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031 được triệu tập chậm nhất là 45 ngày, kể từ ngày bầu cử.

Quốc hội đã xem xét, thông qua Nghị quyết về thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia; bầu ông Trần Thanh Mẫn, Chủ tịch Quốc hội làm Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia và phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia về danh sách Phó Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia.

3. Quốc hội đã xem xét, thông qua Nghị quyết về số lượng thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV. Theo đó, số lượng thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV là 20 người, gồm: Chủ tịch Quốc hội, 06 Phó Chủ tịch Quốc hội và 13 Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Quốc hội đã xem xét, quyết định miễn nhiệm chức vụ Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV, miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đối với ông Y Thanh Hà Niê Kđăm để nhận nhiệm vụ công tác khác; bầu Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV đối với ông Lâm Văn Mẫn và ông Hoàng Duy Chính; bầu Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đối với ông Lâm Văn Mẫn.

Công tác tổ chức, nhân sự được thực hiện thận trọng, chặt chẽ, kịp thời, đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, đạt được sự đồng thuận cao của các vị đại biểu Quốc hội.

4. Quốc hội đã xem xét, thông qua 03 nghị quyết về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với một số dự án quan trọng, cụ thể:

- Thông qua **Nghị quyết về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn – Pleiku** nhằm hình thành trục ngang kết nối vùng Tây Nguyên với Duyên hải Nam Trung Bộ, kết nối hệ thống trục dọc (đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 1, đường bộ ven biển), phát huy hiệu quả các dự án đã và đang đầu tư, đáp ứng nhu cầu vận tải; tạo dư địa, động lực phát triển không gian vùng với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, kết nối các trung tâm kinh tế, cảng biển; nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo động lực liên kết, thúc đẩy hợp tác và phát triển vùng; góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, xóa đói giảm nghèo. Dự án có tổng chiều dài khoảng 125 km, đi qua địa phận tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai (nay là tỉnh Gia Lai); được đầu tư phân kỳ quy mô 04 làn xe cao tốc hoàn chỉnh (bao gồm 02 làn dừng xe khẩn cấp) theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường bộ cao tốc. Dự án áp dụng hình thức đầu tư công với sơ bộ tổng mức đầu tư khoảng 43.734 tỷ đồng.

- Thông qua **Nghị quyết về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh** nhằm hiện thực hóa các chủ trương, định hướng của Đảng, chính sách của Nhà nước, tạo bước đột phá trong phát triển, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng giao thông, kết nối các khu công nghiệp, cảng biển và cảng hàng không quốc tế; mở ra không gian phát triển kinh tế mới; tạo động lực lan tỏa, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của

nền kinh tế Việt Nam nói chung và các địa phương có Dự án đi qua nói riêng. Dự án có tổng chiều dài khoảng 159,31 km; đi qua địa phận Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh: Đồng Nai, Long An (nay là tỉnh Tây Ninh) và Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); được đầu tư phân kỳ giai đoạn 1 với quy mô 04 làn xe cao tốc hoàn chỉnh (bao gồm 02 làn dừng xe khẩn cấp) theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường bộ cao tốc và sẽ được mở rộng giai đoạn sau với quy mô 08 làn xe. Sơ bộ tổng mức đầu tư của Dự án khoảng 120.413 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách nhà nước khoảng 69.781 tỷ đồng (chiếm 57,95% sơ bộ tổng mức đầu tư Dự án).

- Thông qua **Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu (giai đoạn 1)** để Dự án sớm được thực hiện, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và doanh nghiệp, người dân. Theo đó, sơ bộ tổng mức đầu tư của Dự án sau khi điều chỉnh là 21.551 tỷ đồng (tăng 3.714 tỷ đồng).

5. Quốc hội đã xem xét, thông qua 03 nghị quyết về tài chính, ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Thông qua **Nghị quyết Bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2023 và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023**; trong đó, tổng số thu cân đối ngân sách nhà nước là 3.023.547 tỷ đồng; tổng số chi cân đối ngân sách nhà nước là 3.176.154 tỷ đồng; bội chi ngân sách nhà nước là 291.564 tỷ đồng và tổng mức vay của ngân sách nhà nước để bù đắp bội chi và trả nợ gốc là 482.625 tỷ đồng. Quốc hội yêu cầu Chính phủ chỉ đạo: (i) Tiếp tục thực hiện các biện pháp quyết liệt, đồng bộ để tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính trong lập, chấp hành dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước, khắc phục các tồn tại, hạn chế kéo dài nhiều năm; (ii) Tiếp tục chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế trong lập, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; nâng cao chất lượng lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước; đẩy nhanh việc thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm; (iii) Quản lý, sử dụng chặt chẽ số tăng thu ngân sách nhà nước, các khoản chi chuyển nguồn ngân sách nhà nước bảo đảm đúng quy định, việc tạm ứng chi ngân sách nhà nước; (iv) Kiểm soát chặt chẽ bội chi ngân sách nhà nước, nợ công để bảo đảm an ninh tài chính quốc gia, ổn định kinh tế vĩ mô; kiểm soát chặt chẽ, rà soát, xác định chính xác số nợ đọng xây dựng cơ bản vốn ngân sách nhà nước; đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, cụ thể hóa trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

- Thông qua **Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025** để chi trả chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ, theo cơ chế thực

hiện cải cách tiền lương và thực hiện chính sách miễn học phí, thực hiện các nhiệm vụ phát sinh do sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo phê duyệt của các cấp có thẩm quyền (ngoài chi trả chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động).

- Bên cạnh đó, Quốc hội đã xem xét, thông qua ***Nghị quyết về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước chi thường xuyên (nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài) năm 2025.***

6. Quốc hội đã xem xét, thông qua ***Nghị quyết kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV*** với nhiều nội dung quan trọng, trong đó, đã quyết nghị:

(i) Cho phép các địa phương (bao gồm các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ) sau sáp nhập đơn vị hành chính được tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù theo các Nghị quyết số 136/2024/QH15, số 55/2022/QH15, số 98/2023/QH15 và số 45/2022/QH15 của Quốc hội, trừ các điều khoản đã bị bãi bỏ theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, tương ứng với các địa phương (bao gồm các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ) trước khi sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Cho phép các xã, phường mới tương ứng với địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột thuộc tỉnh Đắk Lắk sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính được tiếp tục áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù tại Nghị quyết số 72/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội áp dụng đối với thành phố Buôn Ma Thuột trước khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

(ii) Đồng ý miễn thị thực có thời hạn cho người nước ngoài thuộc diện đối tượng đặc biệt cần ưu đãi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội. Giao Chính phủ quy định cụ thể và chỉ đạo nghiên cứu để trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung các luật có liên quan, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

(iii) Cho phép thực hiện phương án tổng thể để giải quyết dứt điểm vấn đề của Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy như đề xuất của Chính phủ.

(iv) Cho phép Ngân hàng Chính sách xã hội được tiếp tục sử dụng toàn bộ số tiền 6.068,961 tỷ đồng ngân sách nhà nước đã cấp cho các chương trình tín dụng chính sách (trong đó số đã thu hồi nợ đến ngày 30/4/2025 là 3.144,499 tỷ đồng và số tiếp tục thu hồi là 2.924,462 tỷ đồng) để cho vay các chương trình tín dụng tại Ngân hàng Chính sách xã hội .

(v) Đề nghị Chính phủ thực hiện việc điều chỉnh dự toán ngân sách trung ương phân bổ cho các Bộ, cơ quan trung ương, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2025 và xác định dự toán thu chi ngân sách địa phương năm 2025 sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp

tổ chức bộ máy nhà nước và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

(vi) Chấp thuận bổ sung hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và đầu tư kinh doanh theo Luật Đầu tư cho Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam bên cạnh hình thức đầu tư công.

(vii) Quy định về giải pháp tiếp tục triển khai công tác quy hoạch gắn với sắp xếp đơn vị hành chính trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi).

(viii) Giao Chính phủ khẩn trương triển khai việc thực hiện hỗ trợ ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới đất liền từ năm học 2025 – 2026.

III. GIÁM SÁT TỐI CAO

1. Sau khi xem xét các báo cáo đánh giá bổ sung kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2024; tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước những tháng đầu năm 2025, Quốc hội ghi nhận, đánh giá cao công tác chỉ đạo, điều hành và thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương, sự ủng hộ của cộng đồng doanh nghiệp, các tầng lớp Nhân dân trong việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và những tháng đầu năm 2025. Nhờ đó, kinh tế - xã hội nước ta đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, tiếp tục phục hồi và phát triển tích cực, đạt kết quả toàn diện trên nhiều lĩnh vực, năm 2024 đạt và vượt kế hoạch 15/15 chỉ tiêu chủ yếu. Kinh tế vĩ mô những tháng đầu năm 2025 vẫn giữ ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm, tăng trưởng GDP quý I năm 2025 ở mức cao nhất so với quý I trong các năm của giai đoạn 2020 - 2025; nhiều giải pháp tiền tệ, tín dụng và tài khóa đã triển khai để hỗ trợ sản xuất, kinh doanh và phát triển kinh tế - xã hội.

Quốc hội yêu cầu Chính phủ phối hợp với các cơ quan hữu quan tiếp tục theo dõi sát diễn biến, dự báo tình hình trong nước và thế giới, triển khai đồng bộ, kịp thời, toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra để khắc phục các tồn tại, phấn đấu hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

2. Trong thời gian 1,5 ngày, Quốc hội đã tiến hành chất vấn đối với Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các nội dung được lựa chọn chất vấn đã đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, “đúng” và “trúng” những vấn đề cử tri, Nhân dân cả nước và các vị đại biểu Quốc hội quan tâm.

Phiên chất vấn và trả lời chất vấn diễn ra sôi nổi, thẳng thắn, trên tinh thần xây dựng, trách nhiệm cao. Các vị đại biểu Quốc hội đã nêu câu hỏi, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao và phản ánh sát với diễn biến thực tế, đời sống và nguyện vọng của cử tri và Nhân dân với nội dung ngắn gọn, cụ thể, rõ ràng, ít có sự trùng lặp, có đối thoại, tranh luận thẳng thắn, mang tính xây dựng, sử dụng

tôi đa hiệu quả thời gian để chất vấn và làm rõ vấn đề mà cử tri và Nhân dân quan tâm. Nhiều vấn đề, nhiều câu hỏi đúng và trúng vào những “điểm nghẽn” về thể chế, chính sách, nguồn lực và mong muốn Chính phủ, các Bộ, ngành tiếp tục có sự đổi mới, quyết liệt trong tư duy và hành động, có giải pháp phù hợp, hiệu quả, vì sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước, đáp ứng niềm tin, sự mong đợi của cử tri và Nhân dân cả nước. Các Bộ trưởng đã thể hiện tinh thần cầu thị, trách nhiệm, nắm chắc tình hình, không né tránh, trả lời thẳng vào vấn đề và có cam kết, giải pháp cụ thể, rõ ràng trong thời gian tới. Phó Thủ tướng Chính phủ và các Bộ trưởng, Trưởng ngành với ý thức trách nhiệm cao đã tham gia giải trình nghiêm túc, giúp làm sáng tỏ thêm nhiều vấn đề đại biểu Quốc hội quan tâm. Cuối phiên chất vấn, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình đã thay mặt Chính phủ báo cáo làm rõ những vấn đề thuộc trách nhiệm chung của Chính phủ và trực tiếp trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội.

Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 9, trong đó, yêu cầu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các vị Bộ trưởng, Trưởng ngành tập trung thực hiện những giải pháp, cam kết, sớm khắc phục những tồn tại, hạn chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực được chất vấn, thực hiện hiệu quả các mục tiêu, chương trình, chiến lược trong các nghị quyết của Bộ Chính trị, các quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân và cử tri cả nước.

3. Quốc hội đã xem xét, thông qua Nghị quyết về Chương trình giám sát của Quốc hội năm 2026, theo đó, căn cứ đặc điểm, tình hình đặc thù của năm 2026 – năm chuyển giao giữa 02 nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và khóa XVI, Quốc hội nhất trí không tổ chức giám sát chuyên đề trong năm 2026 để dành thời gian cho các hoạt động giám sát tối cao khác theo quy định (như: xem xét báo cáo của các cơ quan, chất vấn và trả lời chất vấn, xem xét kiến nghị giám sát...); đồng thời, trong bối cảnh cơ cấu tổ chức của Quốc hội đã có sự thay đổi, việc sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, công tác giám sát cần tiếp tục được tập trung chỉ đạo, rút kinh nghiệm, có các giải pháp cải tiến, đổi mới để phù hợp với bối cảnh tình hình thực tiễn mới và đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả giám sát.

4. Sau khi xem xét báo cáo về kết quả thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024, Quốc hội đề nghị Chính phủ tập trung thể chế hóa chủ trương của Đảng về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; chú trọng hoàn thiện thể chế pháp luật về phòng, chống lãng phí, bảo vệ người đấu tranh phòng, chống lãng phí; rà soát, sửa đổi định mức, tiêu chuẩn làm cơ sở để tiết kiệm, chống lãng phí trong các luật chuyên ngành, bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật. Đồng thời, đánh giá toàn diện về hiện trạng tài sản công của các cơ quan, tổ chức thuộc diện sắp xếp đơn vị hành chính và tinh gọn bộ máy. Có kế hoạch tổng thể, đồng bộ trong việc quản lý, sử dụng, chuyển giao trụ sở làm việc sau tinh gọn tổ chức bộ máy; ưu tiên bố trí, chuyển đổi trụ sở dôi dư

thành cơ sở phúc lợi công cộng, khám, chữa bệnh, trường học; nghiên cứu, có cơ chế cho thuê, chuyên nhượng tài sản, trụ sở, nhà đất..., bảo đảm tất cả tài sản dôi dư được sử dụng hiệu quả, tránh tình trạng bỏ hoang hoặc sử dụng không đúng mục đích, kém hiệu quả.

5. Xem xét, thảo luận về Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân gửi đến Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV và Báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV, Quốc hội đánh giá cao nỗ lực của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, cơ quan trung ương trong việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri. Công tác giải quyết kiến nghị của cử tri được chú trọng, đạt hiệu quả thiết thực. Nhiều kiến nghị liên quan đến quyền lợi của người dân đã được các cơ quan có thẩm quyền nghiêm túc tiếp thu, xem xét và kịp thời giải quyết.

Quốc hội yêu cầu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, cơ quan trung ương tiếp tục quan tâm giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri và ý kiến đề xuất, kiến nghị của các vị đại biểu Quốc hội về việc giải quyết kiến nghị cử tri. Giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ đạo, đôn đốc, giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri và đại biểu Quốc hội; khắc phục những tồn tại, hạn chế đã được đề cập trong báo cáo giám sát
